

## CÔNG KHAI KẾT QUẢ XẾP HẠNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Xếp hạng:

Tên cơ sở giáo dục	Năm 2019			
	Tổ chức kiểm định CLGD	Kết quả đánh giá	Giấy chứng nhận	
			Ngày cấp	Giá trị đến
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	THE University Impact Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) xếp hạng thứ #401-600 toàn cầu	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	ARWU (Academic Ranking of World Universities)	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) xếp hạng thứ #601-700 toàn cầu	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	The QS Asia University Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) được xếp hạng thứ 142 trong tổng số 687 đại học tốt nhất Châu Á được xếp hạng	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	QS Global World Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) được xếp hạng #1001–1200	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	UI Greenmetric World University Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng được xếp hạng Top 150 trường đại học phát triển bền vững nhất Thế giới (122/956 trường)	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	University Ranking by Academic Performance: URAP	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) xếp hạng thứ 427 thế giới	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	US News & World Report Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) xếp hạng thứ 387 trong tổng số 1.750 đại học được xếp hạng (từ 90 quốc gia)	2021	2022

Tên cơ sở giáo dục	Năm 2019			
	Tổ chức kiểm định CLGD	Kết quả đánh giá	Giấy chứng nhận	
			Ngày cấp	Giá trị đến
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	THE World University Rankings	Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) được xếp hạng TOP 500 toàn cầu	2021	2022
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	THE World University Rankings by Subject	<p><b>Xếp hạng theo ngành học thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khoa học vật lý (Physical sciences): xếp hạng 201–250</li> <li>• Khoa học đời sống (Life Sciences): xếp hạng 251–300</li> <li>• Khoa học máy tính (Computer Sciences): xếp hạng 251–300</li> <li>• Kỹ sư (Engineering): xếp hạng 251–300</li> <li>• Kinh doanh và kinh tế (Business and Economics): xếp hạng 201–250</li> <li>• Khoa học xã hội (Social Sciences): xếp hạng 251–300</li> </ul>	2021	2022

## 2. Kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

TT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	4/2018	Đạt	H CERES (Cộng hòa Pháp)	Công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục	7/2018	7/2023
2	Ngành Khoa học môi trường	Từ 18/06 đến 20/06/2019	Đạt	AUN-QA	Đạt chuẩn chất lượng	20/06/2019	19/06/2024
3	Ngành Tài chính ngân hàng		Đạt				
4	Ngành Kỹ thuật phần mềm		Đạt				
5	Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Đạt				
6	Ngành Công nghệ sinh học	Từ 25/01 đến 29/01/2021	Đạt	AUN-QA	Đạt chuẩn chất lượng	29/01/2021	28/01/2026
7	Ngành Kế toán		Đạt				
8	Ngành Tiếng Anh		Đạt				
9	Ngành Toán- Ứng dụng		Đạt				

TT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
10	Ngành Quan hệ lao động	Từ 25/05 đến 28/05/2021	Đạt	FIBAA	Đạt Dấu chất lượng	25/11/2021	25/11/2026
11	Ngành Quy hoạch vùng và đô thị		Đạt				
12	Ngành Xã hội học		Đạt				
13	Ngành Việt Nam học – chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch		Đạt				
14	Ngành Kiến trúc	Từ ngày 27/09/2021 đến 01/11/2021	Đạt	AUN	Đạt chuẩn Chất lượng	01/11/2021	31/10/2016
15	Ngành Thiết kế đồ họa		Đạt				
16	Ngành Bảo hộ lao động		Đạt				